Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8451.30.90

Mã HS	8451.30.90
Mô tả hàng hóa	Các loại máy (trừ máy thuộc nhóm 84.50) dùng để giặt, làm sạch, vắt, sấy, là hơi, ép (kể cả ép mếch), tẩy trắng, nhuộm, hồ bóng, hoàn tất, tráng phủ hoặc ngâm tẩm sợi, vải dệt hoặc hàng dệt đã hoàn thiện và các máy dùng để phết hồ lên lớp vải đế hoặc lớp vải nền khác, dùng trong sản xuất hàng trải sàn như vải sơn lót sàn; máy để quấn, tở (xả), gấp, cắt hoặc cắt hình răng cưa vải dệt / - Máy là và là hơi ép (kể cả ép mếch): / - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	06/11/2026 03:06:43
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84513090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14024
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14024
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14024
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13347
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13288
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13288
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13288
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13288
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13288
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13288
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13342
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13342
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13342
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13342

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13342
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13342
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13343
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13343
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13343
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13343
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13343
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13343
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13346
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13294
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13302
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13302
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13302
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13302
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13302
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13302
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13333
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13333
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13333
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13333
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13333
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13333
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13382
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13382
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13382
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13382

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13382
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13382
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D13365
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E13365
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F13365
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G13365
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H13365
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I13365
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13365
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13365
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13365
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13365
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13365
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13365
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13380
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13380
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13380
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13380
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13380
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13380
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13379
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13379
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13379
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13379
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13379
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13379

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13359
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13359
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13359
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13359
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13359
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13359
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13359
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13367
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13367
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13367
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13367
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13367
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13367
RCEP B	2022	2022	0	B!D13367
RCEP B	2023	2023	0	B!E13367
RCEP B	2024	2024	0	B!F13367
RCEP B	2025	2025	0	B!G13367
RCEP B	2026	2026	0	B!H13367
RCEP B	2027	2027	0	B!I13367
RCEP C	2022	2022	0	C!D13367
RCEP C	2023	2023	0	C!E13367
RCEP C	2024	2024	0	C!F13367
RCEP C	2025	2025	0	C!G13367
RCEP C	2026	2026	0	C!H13367
RCEP C	2027	2027	0	C!I13367
RCEP D	2022	2022	0	D!D13366

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E13366
RCEP D	2024	2024	0	D!F13366
RCEP D	2025	2025	0	D!G13366
RCEP D	2026	2026	0	D!H13366
RCEP D	2027	2027	0	D!I13366
RCEP E	2022	2022	0	E!D13370
RCEP E	2023	2023	0	E!E13370
RCEP E	2024	2024	0	E!F13370
RCEP E	2025	2025	0	E!G13370
RCEP E	2026	2026	0	E!H13370
RCEP E	2027	2027	0	E!I13370
RCEP F	2022	2022	0	F!D13367
RCEP F	2023	2023	0	F!E13367
RCEP F	2024	2024	0	F!F13367
RCEP F	2025	2025	0	F!G13367
RCEP F	2026	2026	0	F!H13367
RCEP F	2027	2027	0	F!I13367
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12402
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12402
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12402
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12402

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8451.30 có 2 dòng thuế; dòng 8451.30.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8451.30.10 Máy là trục đơn, loại gia dụng (SEN)	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8451.30.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8451.30.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14024), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.